

Số: 27/2026/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của
Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định
số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa
phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người
nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19
tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối
tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định cơ chế, chính sách cho vay đối
với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa
phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử
dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã
hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa
bàn tỉnh Cao Bằng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 10 tại Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- NHCSXH VN;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVTH;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Đình Quang

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh được trích hàng năm tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, được trích hàng năm bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các quy định khác của Bộ Tài chính (nếu có).

3. Nguồn vốn bổ sung trong trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại khoản 8, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng

chính sách khác được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các quy định khác của Bộ Tài chính (nếu có).

4. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh Cao Bằng.

Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh xây dựng, dự kiến kế hoạch nhu cầu vốn tín dụng chính sách xã hội từ nguồn vốn sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn giai đoạn 05 năm và hàng năm, gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương giai đoạn 05 năm và hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp nhận nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn nhằm phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần giảm nghèo, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

Điều 6. Đối tượng cho vay, địa bàn cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP); các đối tượng khác theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

2. Địa bàn cho vay: Cho vay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP; theo quy định hiện hành của pháp luật; theo hướng dẫn của NHCSXH và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 9. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ: Giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng 0,245%/tháng.

Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ để trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác theo quy định thì phần được trích này là phí quản lý tối đa để đơn vị NHCSXH thực hiện đảm bảo có hiệu quả và tiết kiệm.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

Mức trích bằng 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau: Hỗ trợ công tác quản lý nguồn vốn của Sở Tài chính 2% số tiền lãi thu được; Hỗ trợ công tác

chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp xã 5% số tiền lãi thu được; phần còn lại phân bổ cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý, sử dụng.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền lãi thu được theo đúng quy định tại Quy chế này.

4. Trường hợp tiền lãi cho vay không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập rủi ro tín dụng chung; phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm tham mưu, điều chỉnh các nội dung chi cho phù hợp không vượt quá số lãi thu được.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý nợ rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH: Chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các khoản nợ bị rủi ro. Trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định đối tượng, nguyên nhân và hồ sơ, biện pháp xử lý nợ.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro: Từ quỹ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung ngân sách cấp tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

2. Định kỳ hàng tháng, năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tình hình thu lãi, phân phối và sử dụng lãi thu được gửi Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán, chế độ báo cáo quyết toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh

a) Căn cứ nhu cầu vốn của các đối tượng thụ hưởng của từng chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh, thực hiện giao/điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác tại Điều 3 Quy chế này cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh và Phòng giao dịch NHCSXH trực thuộc Chi nhánh tỉnh để triển khai thực hiện cho vay theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện cho vay của các đơn vị theo quy định tại Quy chế này.

2. Sở Tài chính

a) Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định: quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH; bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác, tình hình xử lý nợ bị rủi ro.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 10 của Quy chế này.

3. Các tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng chính sách xã hội theo quy định tại các văn bản liên tịch, hợp đồng uỷ thác đã ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế này.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Ký hợp đồng uỷ thác với Sở Tài chính.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế này.

c) Căn cứ nhu cầu vốn của các đối tượng thụ hưởng của từng chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh, tham mưu Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh giao/điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn nhận uỷ thác tại địa phương cho các đơn vị để triển khai thực hiện cho vay theo quy định.

d) Thực hiện cho vay minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tuân thủ các quy trình, thủ tục và điều kiện vay vốn.

đ) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra tình hình quản lý và kết quả sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh.

g) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy chế này; Thực hiện điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ đối với khách hàng theo quy định của Tổng Giám đốc NHCSXH.

h) Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

i) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn uỷ thác.

5. UBND xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi, xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ lãi, kiểm tra hộ vay bị rủi ro trên địa bàn.

c) Hướng dẫn người vay vốn lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc xác định, kiểm tra, phúc tra người vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

6. Người vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng khoản vay đúng mục đích, hoàn trả gốc, lãi vốn vay đầy đủ đúng thời hạn theo quy định.

c) Trường hợp người vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích; chây ỳ không trả nợ gốc, lãi sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.